

MẪU. HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

GIỚI THIỆU VÀ LƯU Ý:

1. Hợp đồng mua bán hàng hóa là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.
 - Một số quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa có thể tham khảo: **Điều 34 đến Điều 62 Luật Thương mại năm 2005.**
 - Ký hiệu [●] trong Mẫu hợp đồng kèm theo cần được bổ sung thông tin cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên trong từng giao dịch.
 - Mẫu Hợp đồng kèm theo chỉ có giá trị tham khảo, dùng trong giao dịch mua bán hàng hóa trong nước; không phải là ý kiến tư vấn pháp lý, quan điểm của cá nhân, tổ chức nào. Trong từng giao dịch cụ thể, các bên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với thỏa thu của các bên và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: [●]

Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa này (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày [●] giữa các Bên:

BÊN A (BÊN MUA) :

CÔNG TY [●]

Mã số thuế : [●]

Địa chỉ trụ sở chính : [●]

Đại diện bởi : [●]

Chức danh : [●] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật thì cần bổ sung thông tin người được ủy quyền, văn bản ủy quyền.]

VÀ

BÊN B (BÊN BÁN) :

CÔNG TY [●]

Mã số thuế : [●]

Địa chỉ trụ sở chính : [●]

Đại diện bởi : [●]

Chức danh : [●] – Người đại diện theo pháp luật

[Trường hợp một bên là cá nhân thì thay thế thông tin công ty nêu trên bằng các thông tin sau:]

ÔNG / BÀ : [●]

Ngày sinh : [●]

CCCD / CMND : [●]

Ngày cấp : [●]

Địa chỉ: : [●]

Điện thoại, email : [●]

Mỗi bên sau đây gọi riêng là "**Bên**", gọi chung là "**các Bên**".

XÉT RẰNG:

- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên A];
- [Giới thiệu tổng quan về bối cảnh giao dịch, năng lực và mục đích giao dịch của Bên B];

DO VẬY, các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa này theo các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1. HÀNG HÓA – GIÁ CẢ - SỐ LƯỢNG – CHUNG LOẠI – QUY CÁCH

1.1 Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán hàng hóa là: [●], cụ thể như sau :

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)
Tổng cộng:					

1.2 Tổng giá trị Hợp đồng là: [●] VND (Bằng chữ: [●]).

1.3 Đơn giá trên **đã bao gồm** thuế giá trị gia tăng và các chi phí vận chuyển bốc xếp (nếu có).

1.4 Trong trường hợp giá cả thị trường có biến động thay đổi tăng hoặc giảm từ [●]%, các Bên sẽ tiến hành thỏa thuận để điều chỉnh giá.

1.5 Số lượng hàng hóa trên là tạm tính. Số lượng hàng hóa để thanh toán sẽ căn cứ vào số lượng hàng hóa giao nhận thực tế theo xác nhận giao hàng có ký nhận giữa đại diện các Bên.

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng theo thông tin tài khoản sau đây: [●].

2.2 Tiến độ thanh toán :

a. Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B [●]% giá trị Hợp đồng tương ứng số tiền: [●] VND (Bằng chữ: [●]) trong thời hạn [●] ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này.

b. Đợt 2: Bên A tạm ứng cho Bên B [●] % giá trị Hợp đồng (trong đó đã bao gồm tạm ứng Đợt 1), tương ứng số tiền : [●] VND (Bằng chữ: [●]) trong thời hạn [●] ngày Bên B thông báo giao hàng đến Bên A và trước khi Bên B giao hàng.

c. Đợt 3 (Quyết toán): Bên A thanh toán cho Bên B đủ 100% giá trị Hợp đồng (trong đó đã bao gồm tạm ứng Đợt 1, Đợt 2) trong thời hạn [●] ngày kể từ ngày giao hàng và Bên B cung cấp các hồ sơ thanh toán sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Biên bản giao nhận hàng ;
- [●]

ĐIỀU 3. CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

- 1.1 Các loại hàng hóa do Bên B cung cấp cho Bên A đảm bảo tính hợp pháp, đúng điều kiện tiêu chuẩn, nguồn gốc, thông số kỹ thuật và chất lượng như các Bên đã thỏa thuận.
- 1.2 Bên B phải giao hàng có chất lượng tương đương với chất lượng hàng đã nghiệm thu sơ bộ và được Bên A chấp nhận trước khi giao hàng.
- 1.3 Khi giao nhận hàng, hai Bên phải cử người đại diện (nhân viên, nhân sự của mỗi Bên) để ký vào Biên bản giao nhận. Đây là cơ sở để làm chứng từ thanh toán.
- 1.4 Bên B xuất hàng kèm theo đầy đủ các hồ sơ chứng từ, chứng chỉ xuất kho, xuất xưởng, chứng nhận chất lượng,....theo yêu cầu của Bên A (nếu có).

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG

- 4.1 Thời gian thực hiện Hợp đồng: Bên B thực hiện công việc theo quy định tại Điều 1.1 Hợp đồng này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng đợt 1 của Bên A.
- 4.2 Địa điểm giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A tại địa chỉ: [●].
- 4.3 Phương thức giao hàng: Khi tiến hành nhận hàng, Bên A phải kiểm tra phẩm chất, quy cách, số lượng hàng hóa tại chỗ, nếu phát hiện hàng thiếu hoặc hỏng, vỡ không đúng tiêu chuẩn chất lượng, không phù hợp với Hợp đồng thì phải lập biên bản tại chỗ yêu cầu Bên B hoặc bên vận chuyển, giao hàng xác nhận. Nếu không phát hiện lỗi, hỏng, thiếu hoặc không đúng quy cách chất lượng từ hàng hóa thì Bên A phải kết hợp với Bên B ký vào biên bản bàn giao hàng hóa để tiện cho các thủ tục thanh lý Hợp đồng về sau. Bên A sẽ phải trả toàn bộ chi phí vận chuyển, đóng gói và bảo hiểm nếu Bên A yêu cầu Bên B vận chuyển hàng hóa đến địa điểm khác với quy định trong hợp đồng. Thời điểm chuyển rủi ro hàng hóa phát sinh kể từ thời điểm Bên B giao hàng đến địa điểm các bên đã thỏa thuận.

Trường hợp Bên A không có người nhận hàng, không chuẩn bị kho hàng theo quy định tại Điều này hoặc không thực hiện nhận hàng hoặc không ký vào biên bản giao hàng hóa thì Bên B chuyển hàng về kho của Bên B. Lúc này, Bên A phải cử người và phương tiện đến nhận hàng tại kho của Bên B sau khi đã thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

- 4.4 Thông báo giao hàng: Bộ phận bán hàng của Bên B sẽ thông báo cho Bên A trước [●] ngày khi giao hàng, Bên A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần 2 theo Điều 2 Hợp đồng này và có nghĩa vụ bố trí người nhận hàng, chuẩn bị kho hàng trước thời điểm giao hàng.

Khi nhận được thông báo giao hàng của Bên B thì Bên A có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật đến xưởng của Bên B để kiểm tra hàng hoá trước khi nhận hàng. Trường hợp Bên A không cử cán bộ kỹ thuật đến sau [●] ngày Bên B thông báo thì các Bên thống nhất xác định hàng hóa đã được kiểm tra hoàn thành và đủ điều kiện để Bên B giao hàng cho Bên A.

- 4.5 Thời điểm chuyển quyền sở hữu hàng hóa từ Bên B sang Bên A được tính kể từ thời điểm Bên A hoàn thành 100% việc thanh toán cho Bên B. Trường hợp Bên A chưa thanh toán đầy đủ 100% giá trị Hợp đồng này cho Bên B thì Bên B được bảo lưu quyền sở hữu đối với toàn bộ hàng hóa đã bàn giao cho Bên A.

ĐIỀU 5. KHIẾU NẠI

- 5.1 Thời hạn khiếu nại về số lượng, chất lượng hàng hóa là 03 (ba) tháng kể từ ngày giao hàng.
- 5.2 Bên bán được miễn trừ trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng hóa nếu Bên mua không khiếu nại trong thời hạn nêu trên.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

6.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên mua (Bên A)

- a. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B.
- b. Bố trí thời gian và địa điểm nhận hàng theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng. Cử nhân sự tiếp nhận hàng khi Bên B giao hàng. Trường hợp quá thời hạn 02 ngày kể từ ngày Bên B yêu cầu nhận bàn giao mà Bên A không nhận bàn giao thì mặc nhiên xác định Bên B đã bàn giao, hàng hóa đáp ứng đầy đủ điều kiện.
- c. Kiểm tra chất lượng, số lượng, quy cách hàng hóa khi nhận hàng và xác nhận hàng theo Biên bản bàn giao.
- d. Sử dụng hàng hóa theo đúng hướng dẫn kỹ thuật mà Bên B cung cấp.
- e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

6.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên bán (Bên B)

- a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa theo Hợp đồng này. Nếu hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng, Bên A có quyền trả hàng và Bên B phải hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng cho Bên A (nếu có).
- b. Cung cấp các chứng từ cần thiết liên quan đến hàng hóa do Bên A yêu cầu khi giao nhận hàng (nếu có).
- c. Xuất hóa đơn cho Bên A sau khi hai bên hoàn thành việc giao hàng.
- d. Có quyền từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật.
- e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Bên nào vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm và phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm.

ĐIỀU 8. BẢO HÀNH

- 8.1 Bên B đảm bảo hàng hóa cung cấp là hàng mới 100%, chất lượng tốt và các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với yêu cầu kỹ thuật được mô tả trong Hợp đồng. Mọi lý do sử dụng không đúng với bản hướng dẫn sử dụng thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành.
- 8.2 Thời hạn bảo hành là [●] tháng kể từ ngày Bên B giao hàng cho Bên A.

- 8.3 Trong thời gian bảo hành, nếu có bất kỳ một phần hoặc toàn bộ hàng hóa bị hỏng hóc hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật như trong Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trong thời hạn 48 (Bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố cần bảo hành.

Sau khi nhận được Thông báo của Bên A, Bên B tiến hành xem xét lỗi, nếu lỗi được xác định là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B không đạt chất lượng như quy định trong Hợp đồng thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa và khắc phục, nếu không thể sửa chữa được thì Bên B thay thế bằng sản phẩm mới cho Bên A. Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành nếu lỗi được xác định không phải là do vật liệu và kỹ thuật sản xuất của Bên B. Đồng thời, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với công việc sửa chữa do Bên A và Bên thứ ba thực hiện.

ĐIỀU 9. TẠM NGỪNG HOẶC ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 9.1 Bên A được quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc hàng hóa không đảm bảo quy cách, chủng loại, chất lượng.
- 9.2 Bên B được quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc địa điểm làm việc không an toàn, bất hợp pháp.

ĐIỀU 10. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn, được xem là các sự kiện bất khả kháng:
- Thiên tai;
 - Động đất, hoả hoạn, lũ lụt, dịch bệnh và những thảm hoạ thiên nhiên khác;
 - Chiến tranh, phá hoại, nội chiến, khủng bố.
- 10.2 Bên bị cản trở việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá 15 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, nêu rõ sự bắt đầu, ngày bắt đầu, ngày dự tính kết thúc của sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ theo Hợp đồng bị ảnh hưởng.
- 10.3 Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng được hai Bên công nhận là đúng, Bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ được hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng tương với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và được miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng từ sự kiện bất khả kháng gây ra.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO

- 11.1 Bất kỳ thông báo, đồng ý, chấp thuận, hoặc liên hệ, trao đổi thông tin, khiếu nại giữa các Bên về các nội dung, vấn đề liên quan đến Hợp đồng này ("**Thông Báo**") phải thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực khi được chuyển bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm chuyên trực tiếp, gửi qua bưu điện, fax hoặc email hoặc các phương tiện truyền tin khác đến một trong các địa chỉ nhận tin của các Bên như sau:

a) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

b) Trường hợp gửi Thông Báo cho Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Nhân sự liên hệ:
- Tài khoản zalo/ viber:

11.2 Thông báo cũng có thể được gửi trực tiếp, bằng dịch vụ chuyển phát hoặc bằng e-mail, các phương tiện trực tuyến với điều kiện là phải có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng chứng rõ ràng về việc gửi. Các thông báo được gửi trực tiếp, hoặc được gửi bằng bất kỳ phương tiện nào khác được phép sẽ được xem là đã nhận được vào thời điểm gửi.

11.3 Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận các Thông Báo của mình bằng cách gửi Thông Báo cho Bên kia về việc thay đổi địa chỉ nhận thông báo theo phương thức được quy định tại Hợp Đồng này.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT

12.1 Trong Hợp đồng này, các Thông Tin Mật được hiểu là toàn bộ các thông tin của bất kỳ Bên nào, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các thông tin về hoạt động kinh doanh, thông tin tài chính, cơ cấu tổ chức, thông tin khách hàng, thông tin tiếp thị, bí quyết và bí mật kinh doanh liên quan đến hoạt động của Bên đó, thông tin liên quan đến việc hợp tác theo Hợp đồng này hay việc kinh doanh.

12.2 Một Bên đảm bảo, thừa nhận và cam kết với Bên kia rằng: Tất cả các Thông Tin Mật sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích của Hợp đồng này; được bảo mật tuyệt đối; không được sao chép trừ trường hợp thật sự cần thiết trong phạm vi được ủy quyền; và được hoàn trả và/hoặc hủy bỏ sau khi chấm dứt Hợp đồng.

12.3 Nghĩa vụ bảo mật thông tin nêu tại Điều này không được áp dụng cho bất kỳ thông tin nào: (i) đã được phổ biến ra công chúng (trừ trường hợp thông tin bị tiết lộ là hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này); hoặc (ii) đã được thể hiện trong các báo cáo có trước ngày Hợp đồng này có hiệu lực; hoặc (iii) được tiết lộ một cách độc lập từ một Bên thứ ba có quyền được tiết lộ những thông tin này; hoặc (iv) buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- 12.4 Nếu một Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin và không khắc phục trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, hoặc vi phạm lần 2 thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

ĐIỀU 13. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài ---- theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, phí trọng tài và các chi phí pháp lý trong vụ tranh chấp do Hội đồng trọng tài quyết định.
- 13.2 Luật áp dụng cho Hợp đồng này là... (chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài và trong trường hợp các bên không thỏa thuận về luật áp dụng trong một điều khoản khác).

ĐIỀU 14. CHỐNG TRỤC LỢI

- 14.1 Trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, chức danh quản lý, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.
- 14.2 Hai Bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 14.3 Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt Hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 15.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 15.2 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong Hợp đồng và phụ lục khác kèm theo của Hợp đồng này. Các vấn đề còn lại không đề cập trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo pháp luật Việt Nam hiện hành.
- 15.3 Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng phụ lục Hợp đồng, có đầy đủ chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Các phụ lục Hợp đồng này là phần không tách rời và có giá trị pháp lý như Hợp đồng.

15.4 Hợp đồng này được lập thành 02 bản chính bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản.

Đại diện hợp pháp của các Bên đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và hoàn toàn tự nguyện ký kết Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B